

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/NGHỀ: Tin học ứng dụng

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 5480205

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP (hệ tốt nghiệp THCS)

*Ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-KTKT ngày 15 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ*

NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Tin học ứng dụng

Mã ngành, nghề: 5480205

Trình độ đào tạo: Trung Cấp

Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp THCS hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 2,5 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Tin học ứng dụng trình độ trung cấp là ngành, nghề đào tạo nguồn nhân lực có việc làm tại các cơ quan, đơn vị chuyên ngành, các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp. Chương trình đào tạo bậc trung cấp ngành Tin học ứng dụng được thiết kế để trang bị cho người học hiểu biết về đường lối chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước; có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; có thái độ hợp tác với đồng nghiệp; tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc; có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng làm việc, đồng thời có khả năng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội. Người học được trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ ứng dụng tin học trong công tác văn phòng; có khả năng lập trình cơ bản; thiết kế xây dựng, bảo trì website, xây dựng các ứng dụng cơ bản cho công ty, doanh nghiệp và trường học; kỹ năng giao tiếp và một số nghiệp vụ cơ bản như: soạn thảo văn bản; lưu trữ hồ sơ và sử dụng thiết bị văn phòng một cách hợp lý.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực trình độ trung cấp Tin học ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có năng lực phát triển bản thân, lao động có hiệu quả trong các lĩnh vực thuộc ngành đào tạo.

Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực thực hiện được một số công việc có tính phức tạp của nghề; có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có thể:

- Hiểu và trình bày được đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển văn hóa – giáo dục, kinh tế - xã hội.
- Hiểu, trình bày và giải thích được những kiến thức cơ sở và chuyên môn về tin học đại cương, sửa chữa máy tính, phát triển websites, thiết kế đồ họa, triển khai phần mềm ứng dụng, cài đặt mạng máy tính.

2.2.2. Kỹ năng:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng vận dụng kiến thức vào lao động thông qua các kỹ năng sau:

- Kỹ năng chuyên môn bao gồm:

+ Kỹ năng sửa chữa, cài đặt máy tính, kỹ năng ứng dụng tin học văn phòng, kỹ năng xử lý ảnh và thiết kế đồ họa, kỹ năng cài đặt mạng

+ Kỹ năng giải quyết các vấn đề về việc ứng dụng công nghệ thông tin, bảo dưỡng và bảo trì máy tính, các hệ thống websites và mạng máy tính đơn giản.

+ Kỹ năng xử lý tình huống và lao động an toàn trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Kỹ năng mềm bao gồm:

+ Kỹ năng thuyết trình, báo cáo, trình bày trước công chúng

+ Kỹ năng giao tiếp

+ Kỹ năng tìm việc

+ Kỹ năng lao động chuyên nghiệp

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đã được rèn luyện về:

- Đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm đối với công việc, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong lao động văn minh.

- Trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, có sức khỏe, có khả năng tự lập, khả năng tư duy sáng tạo, có khả năng tự học, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng làm việc trong hai nhóm vị trí bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển sản phẩm công nghệ thông tin cấp độ cơ bản trong các ngành, lĩnh vực liên quan trong đời sống, xã hội, các cơ quan nhà nước và các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế. Cụ thể như:

- Kỹ thuật viên phát triển websties

- Kỹ thuật viên xử lý ảnh, thiết kế đồ họa

- Kỹ thuật viên sửa chữa máy tính, cài đặt mạng

- Kỹ thuật viên triển khai ứng dụng tin học văn phòng

- Có năng lực tự học tiếp tục nâng cao trình độ và mở rộng kiến thức nhằm thích nghi tốt với sự phát triển khoa học – công nghệ, kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 55 TC

- Số lượng môn học: 30

- Khối lượng học tập các môn học chung: 255/11 (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1185/44 (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng lý thuyết: 431 (giờ); thực hành, thực tập: 1009 (giờ/tín chỉ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản (Bậc 1 theo KNLNNVN, tương đương CEFR A1)
2	NLCB-02	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Xác nhận trình độ kỹ năng, sử dụng hiệu quả Windows, Word, Excel, PowerPoint, Internet
3	NLCB-03	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách nhà nước.
4	NLCB-04	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn.
5	NLCB-05	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
6	NLCB-06	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-01	Sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng
2	NLCL-02	Thiết kế, lắp ráp, cài đặt, bảo trì máy tính
3	NLCL-03	Chẩn đoán được, sửa chữa được phần cứng máy tính và các thiết bị ngoại vi
4	NLCL-04	Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng máy tính
5	NLCL-05	Thiết kế, xây dựng, lắp đặt và bảo dưỡng được hệ thống
6	NLCL-06	Ứng dụng phần mềm. Thiết kế, Quản trị webiste
III	Năng lực nâng cao	
1	NLNC-01	Thực hiện được việc tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất của một phân xưởng, một tổ kỹ thuật, một cửa hàng lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng, quản lý hệ thống mạng;
2	NLNC-02	Phát triển ý tưởng sáng tạo

3	NLNC-03	Đảm bảo các kiến thức, kỹ năng mềm và nghề nghiệp giúp phát triển bản thân, tham gia hội nhập, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp. Học tập nâng cao trình độ
---	---------	--

6. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập /thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
TMC304	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
TCM302	Pháp luật	1	15	9	5	1
TCM406	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
TMC305	Giáo dục Quốc phòng và AN	2	45	21	21	3
TMC301	Tin học	2	45	15	29	1
TMC107	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	Các môn học chuyên môn					
II.1	Môn học cơ sở	6	105	69	30	6
TTH304	Tin học nâng cao	3	60	27	30	3
TTH302	Cơ sở dữ liệu	3	45	42	0	3
II.2	Môn học chuyên môn	37	1080	203	846	31
TTH101	Lắp ráp, cài đặt và sửa chữa máy tính	3	60	27	30	3
TTH404	Photoshop	3	60	27	30	3
TTH505	CorelDraw	3	60	27	30	3
TTH301	Biên tập ảnh - video	2	45	13	30	2
TTH402	Thiết kế, cài đặt và quản trị mạng	3	60	27	30	3
TTH303	Thương mại điện tử	2	30	28	0	2
TTH504	Tin học ứng dụng quản lý	3	60	27	30	3
TTH503	Thiết kế và quản trị websites	3	60	27	30	3
TTH306	Thực hành sửa chữa máy tính	2	60	0	58	2
TTH308	Rèn nghề tin học nâng cao	1	45	0	44	1
TTH601	Rèn nghề quản trị mạng	1	45	0	44	1
TTH405	Thực tập doanh nghiệp 1	2	90	0	88	2
TTH307	Rèn nghề Thương mại điện tử	1	45	0	44	1
TTH506	Rèn nghề Photoshop	1	45	0	44	1
TTH507	Thực tập doanh nghiệp 2	1	45	0	44	1
TKL555	Thực tập tốt nghiệp	5	225		225	
TXH301	Công tác xã hội	1	45	0	45	0
III.3	Môn học tự chọn	2	45	13	30	2

TTH501	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL	2	45	13	30	2
TTH502	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQLServer	2	45	13	30	2
Tổng cộng:		55	1440	431	1009	

7. Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	Thi/Kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	TCM302	Pháp luật	1	15	9	5	1
2	TCM406	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
3	TMC107	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
4	TXH301	<i>Công tác xã hội</i>	1	45	0	45	0
Tổng cộng			5	135	43	85	7

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	Thi/Kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	TMC304	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
2	TMC305	Giáo dục Quốc phòng và AN	2	45	21	21	3
3	TMC301	Tin học	2	45	15	29	1
4	TTH304	Tin học nâng cao	3	60	27	30	3
Tổng cộng			9	180	78	93	9

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	Thi/Kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	TTH301	Biên tập ảnh - video	2	45	13	30	2

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	Thi/Kiểm tra
2	TTH303	Thương mại điện tử	2	30	28	0	2
3	TTH101	Lắp ráp, cài đặt và sửa chữa	3	60	27	30	3
4	TTH308	Rèn nghề Tin học nâng cao	1	45	0	44	1
5	TTH404	Photoshop	3	60	27	30	3
6	TTH402	Thiết kế, cài đặt và quản trị mạng	3	60	27	30	3
Tổng cộng			14	300	122	164	14

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	Thi/Kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	TTH306	Thực hành sửa chữa máy	2	60	0	58	2
2	TTH506	Rèn nghề Photoshop	1	45	0	44	1
3	TTH505	CorelDraw	3	60	27	30	3
4	TTH405	Thực tập doanh nghiệp 1	2	90	0	88	2
5	TTH302	Cơ sở dữ liệu	3	45	42	0	3
6	TTH601	Rèn nghề Quản trị mạng	1	45	0	44	1
7	TTH307	Rèn nghề Thương mại điện tử	1	45	0	44	1
		Môn tự chọn					
1	TTH501	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL	2	45	13	30	2
2	TTH502	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQLServer	2	45	13	30	2
Tổng cộng			15	435	82	338	15

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	Thi/Kiểm tra
		Môn học bắt buộc					

1	TTH507	Thực tập doanh nghiệp 2	1	45	0	44	1
2	TTH504	Tin học ứng dụng quản lý	3	60	27	30	3
3	TTH503	Thiết kế và quản trị websites	3	60	27	30	3
4	TKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225		225	
Tổng cộng			12	390	54	329	7

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”;

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Anh Văn: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Tin học ứng dụng trình độ trung cấp được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 55 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

+ Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

+ Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính,... (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

+ Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% - 45%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 55% - 75%.

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm,..... tùy theo từng ngành đưa thêm nội dung cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế tại thời điểm theo tiến độ đào tạo)

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng

hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% - 45%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 55% - 75%.

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp trung cấp, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm,..... tùy theo từng ngành đưa thêm nội dung cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế tại thời điểm theo tiến độ đào tạo)

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Trung cấp với ngành/ngành được đào tạo, cụ thể:

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ trung cấp, cụ thể như sau:

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học: Trình độ Trung cấp

9. Các chú ý khác

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

Cần Thơ, ngày 08 tháng 08 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Long